

Mã SV	Họ	Tên	Phá	Ng	Bản	Bản	Bản	Giá	Lý
				ày	sao	sao	sao	y c	lịch
				Sin	Bản	GK	am	HS	
				h	học	g T	Sin	kết	SV
				bạ	NP	h	PV		
					TT		N		
					H				
K35.	Vy	Bíc		1 180					Kg
752.	Thị	h		391					co
001	Ngọc								HS
K35.	Hồ	Chi		1 240	X				
752.	Trúc			691					
003									
K35.	Nguyễn	Hiền		1 191	X				
752.	n Thị	n		291					
005	Thu								
K35.	Phan	Ho		1 300	X				
752.	Thị	a		591					
006									
K35.	Phạm	Mai		1 170	X				
752.	Thị			991					
008	Tuyết								
K35.	Nguyễn	Nhi		1 304	X				
752.	n Thị	ên		91					
009	Yên								
K35.	Nguyễn	Qu		1 201	X				
752.	n Hà	ân		191					
011	Cẩm								
K35.	Nguyễn	Thu		1 180	X				
752.	n Thị			791					
013									
K35.	Đàm	Th		1 240	X				
752.	Anh	ư		591					
015									
K35.	Bùi	Tru		0 171	X				CK
752.	Quang	ng		291					MT
017									
K35.	Huỳnh	Tú		0 121	X				
752.	Hoàng			091					
018									